

Tự do hóa thương mại

Doanh nghiệp và

www.trungtamwto.vn

Quý IV/2016-I/2017 • Số 6+7



**CAM KẾT MỞ CỬA
THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ
CỦA VIỆT NAM TRONG
WTO, EVFTA VÀ TPP**

Lời giới thiệu

Trong một thập kỷ trở lại đây, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại của Việt Nam diễn ra rất mạnh mẽ, khởi đầu bằng việc gia nhập WTO và tiếp đó là ký kết một loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Cho tới nay, Việt Nam đã đàm phán, ký kết và/hoặc thực thi tổng cộng 16 FTA, trong đó có những FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và FTA Việt Nam - EU (EVFTA).

Trong thời gian qua, Trung tâm WTO và Hội nhập của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã luôn nỗ lực sát cánh cùng doanh nghiệp trong quá trình đàm phán và ký kết và thực thi các hiệp định này. Một trong những nỗ lực đó là việc thường xuyên cập nhật tình hình đàm phán và tư vấn khuyến nghị cho các doanh nghiệp thông qua 21 số Bản tin phát hành hàng quý **“Doanh nghiệp và Chính sách Thương mại Quốc tế”**.

Trong bối cảnh Việt Nam vừa kết thúc đàm phán hàng loạt các FTA quan trọng như TPP, EVFTA, nhằm chuẩn bị tốt nhất cho việc thực thi các FTA này trong thời gian tới thông qua cung cấp thông tin và hướng dẫn thực hiện cho các doanh nghiệp để có thể tận dụng tối đa các lợi ích từ các FTA mới, Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI xin trân trọng giới thiệu tới bạn đọc Bản tin quý mới **“Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”**.

Bản tin **“Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”** là sự tiếp nối của Bản tin **“Doanh nghiệp và Chính sách Thương mại Quốc tế”** với các thông tin và tư vấn thể hiện theo cách thức cụ thể hơn, thiết thực hơn và với phương pháp tiếp cận thực tiễn hơn, giúp các doanh nghiệp chủ động và tận dụng hiệu quả hơn các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và các góp ý của độc giả để ngày càng hoàn thiện hơn Bản tin này. Mọi thông tin và góp ý xin gửi về:



Để tìm hiểu thêm xin vui lòng truy cập
website <http://www.trungtamwto.vn>

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 35771458; Fax: +84 4 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn



Điểm tin

Tin Việt Nam

VCCI ra mắt Cổng thông tin AEC dành cho doanh nghiệp

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA, TPP

Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) có hiệu lực từ 1/1/2017

Thực thi Hiệp định tạo thuận lợi thương mại WTO (TFA)

Kết thúc cơ bản đàm phán Hiệp định VPA/FLEGT

Đẩy mạnh tạo thuận lợi thương mại thông qua Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia

Tin quốc tế

Hoa Kỳ rút khỏi TPP và tương lai của Hiệp định này

Đàm phán RCEP có tín hiệu mới khả quan

Nước Anh, Brexit và các FTA

Tổng quan về Hội nghị APEC 2016 và hướng tới năm APEC Việt Nam 2017

Trung Quốc chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường

Chuyên đề

CAM KẾT MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM TRONG WTO, EVFTA VÀ TPP



Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Giấy phép xuất bản số

Số 42/GP-XBBT, ngày 9/6/2014

Thiết kế đồ họa

thaidung85@gmail.com

In ấn tại

Công ty CP In truyền thông Việt Nam



VCCI ra mắt Cổng thông tin AEC dành cho doanh nghiệp

Ngày 28/12/2016, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã chính thức ra mắt Cổng thông tin về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) với địa chỉ là <http://aecvcci.vn/>. Đây là một trong các kênh thông tin và tư vấn về AEC của VCCI cho các hiệp hội, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan tại Việt Nam.

Cổng thông tin bao gồm hai phiên bản Tiếng Anh và Tiếng Việt, giới thiệu đầy đủ và chi tiết các văn kiện pháp lý cơ bản của AEC cũng như cập nhật thông về tình hình thực thi các văn kiện này của Việt Nam. Cổng thông tin AEC cũng cung cấp các hướng dẫn chi tiết, giới thiệu các công cụ tra cứu và các nội dung cần thiết khác để doanh nghiệp có thể tận dụng và hiện thực hóa các cơ hội từ AEC.

Cổng thông tin AEC được xây dựng và vận hành bởi Trung tâm WTO và Hội nhập của VCCI. Hiện tại, Trung tâm là đầu mối thông tin và tư vấn lớn nhất tại Việt Nam về các vấn đề thương mại quốc tế như WTO, các Hiệp định Thương mại tự do, Phòng vệ thương mại...

Các nội dung chính của Cổng thông tin AEC:

- **Văn kiện AEC:** Giới thiệu và cung cấp chi tiết các văn kiện quan trọng trong AEC, bao gồm cả các văn kiện khung và các hiệp định cơ bản về Hàng hoá, Dịch vụ, Đầu tư và Lao động trong AEC. Đặc biệt mục này sẽ có các bản dịch Tiếng Việt, cùng các tóm tắt nội dung, hướng dẫn thực hiện, các đánh giá tác động, thông tin liên quan cho từng hiệp định cơ bản của AEC.
- **Văn bản thực thi AEC:** AEC: Cập nhật các văn bản pháp luật nội địa thực thi AEC của Việt Nam
- **AEC và các đối tác:** Cung cấp nội dung toàn diện về các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và các đối tác Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc và New Zealand.
- **Tra cứu thuế quan và Quy tắc xuất xứ:** Giới thiệu/dẫn chiếu tới các công cụ tra cứu thuế quan và quy tắc xuất xứ sẵn có theo các Hiệp định về Hàng hoá giữa các nước ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác. Doanh nghiệp có thể tra cứu nhanh chóng mức thuế quan ưu đãi mà Việt Nam dành cho các đối tác và các đối tác dành cho Việt Nam và các yêu cầu xuất xứ đối với hàng hóa mà mình quan tâm.
- **Hỏi đáp:** Tư vấn theo các nội dung cụ thể của AEC mà doanh nghiệp quan tâm, thông qua các câu Hỏi – Đáp thường gặp, và công cụ Hỏi – đáp trực tiếp cho phép doanh nghiệp đặt câu hỏi trực tiếp với Trung tâm WTO và Hội nhập để nhận được tư vấn cụ thể.

Ngoài ra, Cổng thông tin AEC của VCCI còn bao gồm rất nhiều các nội dung khác như tin tức và số liệu cập nhật về việc thực hiện AEC, các bài báo, bài nghiên cứu đánh giá tác động của AEC, ấn

phẩm và sự kiện nổi bật liên quan đến AEC của VCCI... Hy vọng Cổng thông tin này sẽ trở thành một nguồn tham khảo hữu ích cho doanh nghiệp trong việc tận dụng các cơ hội từ AEC.

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA, TPP

Cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để tạo ra bước ngoặt về hiệu quả thông qua việc vận dụng các cam kết thể chế của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Theo nhiều chuyên gia, các cam kết này phản ánh các xu hướng mới nhất, các tiêu chuẩn cốt lõi nhất của thương mại tự do và nền kinh tế toàn cầu mà Việt Nam đang hướng tới.

Trong khi chờ đợi các Hiệp định này có hiệu lực, Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng các tiêu chuẩn mới này để cải cách thể chế vì chính nhu cầu của nền kinh tế Việt Nam. Với mục tiêu thúc đẩy quá trình này, đặc biệt là chủ động đưa ra các đề xuất cải cách thích hợp từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp cho Chính phủ, từ cuối năm 2015 đến nay, VCCI đã tiến hành thành công 09 Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết trong TPP và EVFTA. Các khía cạnh mà VCCI lựa chọn rà soát là các lĩnh vực thể chế được cho là có tác động trực tiếp nhất tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam, bao gồm: Đầu tư, Mở cửa thị trường dịch vụ, Mua sắm công, Sở hữu trí tuệ, Minh bạch hoá, Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại.

Theo Nhóm nghiên cứu của VCCI, ngạc nhiên lớn nhất từ các kết quả rà soát là pháp luật Việt Nam hiện hành đã tương thích với phần lớn các cam kết thể chế trong TPP, EVFTA, kể cả những lĩnh vực được xem là hóc búa như sở hữu trí tuệ hay mua sắm công.

Điều này được lý giải một phần từ thực tế pháp luật Việt Nam hiện đã phù hợp với các tiêu chuẩn WTO, mà các tiêu chuẩn WTO lại là nền tảng cho các cam kết trong cả TPP



và EVFTA. Một lý do khác được nhắc tới chính là thái độ chủ động tích cực của Việt Nam trong việc đưa các tiêu chuẩn cao của hai Hiệp định này vào pháp luật nội địa ngay trong giai đoạn đàm phán. Đầu tư, Minh bạch hóa và Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại là các lĩnh vực điển hình, với hầu như toàn bộ các cam kết EVFTA và TPP trong các lĩnh vực này đã được đưa vào pháp luật Việt Nam trong quá trình xây dựng Luật Đầu tư 2014, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật Hải quan 2014. Từ đây, có thể thấy phần lớn những bất cập hiện nay trong môi trường kinh doanh Việt Nam không phải từ các quy định pháp luật mà là từ các hạn chế trong quá trình thực thi các quy định này.

Các Rà soát này cũng nêu bật một thực tế đáng quan ngại: Đó là pháp luật Việt Nam trong các lĩnh vực chuyên ngành, ở các văn bản cấp thấp hơn (ví dụ Thông tư) đang có

nhiều điểm chưa tương thích với các tiêu chuẩn của thế giới dù có thể các nguyên tắc trong các văn bản cấp trên đã phù hợp. Ví dụ, trong khi Luật hải quan hầu như đã tương thích với các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại thì các văn bản pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, với khoảng trên 300 văn bản, được soạn thảo và thực thi bởi hơn 10 Bộ ngành lại chưa tuân thủ các yêu cầu cốt lõi về tạo thuận lợi thương mại, và do đó vẫn cản trở đáng kể hoạt động xuất nhập khẩu.

Các khuyến nghị cụ thể từ các Rà soát này của VCCI là những gợi ý quan trọng để các cơ quan Nhà nước xác định các cách thức cụ thể để sửa đổi hệ thống pháp luật và cải cách thể chế kinh tế trong thời gian tới, thực hiện quyết tâm của Chính phủ trong cải thiện môi trường kinh doanh và xây dựng một nền kinh tế phát triển thịnh vượng và bền vững.

Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) có hiệu lực từ 1/1/2017

Từ ngày 1/1/2017, Công ước Viên năm 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của Liên hợp quốc (CISG) chính thức có hiệu lực tại Việt Nam.

CISG được soạn thảo bởi Ủy ban của Liên Hợp Quốc về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL) nhằm thống nhất nền tảng pháp luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa các nước khác nhau. CISG gồm 101 Điều, được chia làm 4 phần với các nội dung chính sau:

Phần 1 - Phạm vi áp dụng và các quy định chung (Điều 1- 13): Phần này quy định trường hợp nào CISG được áp dụng (từ Điều 1 đến Điều 6), các nguyên tắc áp dụng CISG, các nguyên tắc diễn giải các tuyên bố, hành vi và xử sự của các bên hợp đồng, nguyên tắc tự do về hình thức của hợp đồng, giá trị pháp lý của tập quán trong các giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế.

Phần 2 - Xác lập hợp đồng (trình tự, thủ tục ký kết hợp đồng) (Điều 14- 24): Phần này gồm 11 Điều, quy định chi tiết, đầy đủ về các vấn đề pháp lý đặt ra trong quá trình giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như định nghĩa chào hàng, phân biệt chào hàng với các “lời mời chào hàng”; hiệu lực của chào hàng; thu hồi và hủy bỏ chào hàng; nội dung của chấp nhận chào hàng; khi nào và trong điều kiện nào một chấp nhận chào hàng là có hiệu lực và cùng với chào hàng tạo thành hợp đồng; thời hạn để chấp nhận chào hàng, trường hợp chấp nhận muộn, kéo dài thời hạn chấp nhận; thu hồi chấp nhận chào hàng và thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

Phần 3 - Mua bán hàng hóa (Điều 25 - 88): Với tên gọi là “mua bán

hàng hóa”, nội dung của phần 3 này là các vấn đề pháp lý trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Phần này được chia thành 5 chương với những nội dung cơ bản như sau:

[Chương I: Những quy định chung](#)

[Chương II: Nghĩa vụ của người bán](#)

[Chương III: Nghĩa vụ của người mua](#)

[Chương IV: Chuyển rủi ro](#)

[Chương V: Các điều khoản chung về nghĩa vụ của người bán và người mua](#)

Đây là chương có số lượng điều khoản lớn nhất, cũng là chương chứa đựng những quy tắc chuẩn mực về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán, tạo nên sự ưu việt của CISG. Nghĩa vụ của người bán và người mua được quy định chi tiết, trong hai chương riêng, giúp cho việc đọc và tra cứu dễ dàng hơn. Về nghĩa vụ của người bán, Công ước quy định rất rõ nghĩa vụ giao hàng và chuyển giao chứng từ, đặc biệt là nghĩa vụ đảm bảo tính phù hợp của hàng hóa được giao (về mặt thực tế cũng như về mặt pháp lý). Công ước nhấn mạnh đến việc kiểm tra hàng

hóa được giao (thời hạn kiểm tra, thời hạn thông báo các khiếm khuyết của hàng hóa). Những quy định này rất phù hợp với thực tiễn và đã góp phần giải quyết có hiệu quả các tranh chấp phát sinh có liên quan. Nghĩa vụ của người mua, gồm nghĩa vụ thanh toán và nghĩa vụ nhận hàng, được quy định tại các điều từ Điều 53 đến Điều 60.

Phần 4 - Các quy định cuối cùng (Điều 89 - 101): Phần này quy định về các thủ tục để các quốc gia ký kết, phê chuẩn, gia nhập Công ước, các bảo lưu có thể áp dụng, thời điểm Công ước có hiệu lực và một số vấn đề khác mang tính chất thủ tục khi tham gia hay từ bỏ Công ước này.

Việt Nam đã chính thức phê duyệt việc gia nhập CISG vào ngày 18/12/2015, và là thành viên thứ 84 của Công ước CISG. Việc tham gia Công ước này là bước đi hết sức cần thiết của Việt Nam trong bối cảnh ngày càng có nhiều các hợp đồng mua bán phát sinh giữa doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác nước ngoài, từ đó thúc đẩy quá trình hội nhập của nền kinh tế Việt Nam.



Thực thi Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại WTO (TFA)



Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (TFA), Hiệp định mới nhất được đàm phán trong khuôn khổ WTO, đã chính thức có hiệu lực từ 22/2/2017, sau khi được 110 thành viên WTO phê chuẩn, tương đương với 2/3 số thành viên chính thức của WTO.

Hiệp định TFA được bắt đầu đàm phán từ tháng 10/2004, trải qua hơn 50 phiên đàm phán chính thức cùng với hàng trăm phiên trao đổi, thảo luận nhóm, khu vực. Đàm phán này có giai đoạn bị dừng lại do sự đình trệ của Vòng Doha. Tuy nhiên, cuối cùng TFA đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 9 ngày 7/12/2013 tại Bali (Indonesia). Nghị định thư đưa Hiệp định vào Phụ lục 1A của Hiệp định GATT 94 cũng đã được thông qua tại Geneva tháng 11/2014. Phải mất hơn 2 năm để TFA nhận được phê chuẩn của 110 nước thành viên, qua đó đáp ứng điều kiện để chính thức có hiệu lực vào ngày 22/2/2017.

Hiệp định TFA bao gồm 24 Điều chia làm 03 Phần. Phần I có 12 Điều quy định chi tiết về các biện pháp

cam kết nhằm tạo thuận lợi thương mại. Phần II gồm 10 Điều quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt đối với những nước thành viên WTO đang và chậm phát triển trong đó có vấn đề hỗ trợ kỹ thuật cho các nước này để thực hiện các cam kết của Hiệp định. Phần III bao gồm 2 Điều quy định về các thỏa thuận thể chế và các điều khoản cuối cùng.

Mục đích của TFA là xoá bỏ các rào cản truyền thống, rào cản phi thuế quan đối với thương mại hàng hóa. Cụ thể, Hiệp định TFA đặt ra các nguyên tắc chung đối với các thủ tục hải quan và thủ tục khác liên quan tới hàng hóa xuất nhập khẩu để xử lý các bất cập hiện nay như các yêu cầu quá mức về giấy tờ, chứng từ, thủ tục qua biên giới không hiệu quả, ít áp dụng tự động hoá và sử dụng công nghệ thông tin, những cản trở trong vận tải và quá cảnh, thiếu sự minh bạch và khả năng dự đoán, thiếu sự hợp tác và phối hợp... Do đó, việc TFA có hiệu lực và bắt buộc thực thi trên thực tế sẽ giúp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện thuận

lợi, ít tốn kém và hiệu quả hơn, qua đó các doanh nghiệp liên quan có thể tăng khả năng cạnh tranh, thêm cơ hội kinh doanh và tham gia và các chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đây thực sự là một tin vui khi mà các chi phí và thủ tục hải quan vẫn đang là một trong những gánh nặng của doanh nghiệp trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hoá.

Về phía Việt Nam, Quốc hội đã phê chuẩn Nghị định thư sửa đổi Hiệp định GATT 94 (nói cách khác là phê chuẩn TFA) ngày 26/11/2015. Ngày 13/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1969/QĐ-TTg về Kế hoạch chuẩn bị và triển khai thực hiện Hiệp định tạo thuận lợi thương mại (Hiệp định TFA) của Tổ chức Thương mại Thế giới. Các cơ quan liên quan (với Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính làm đầu mối) đang tích cực xây dựng các chương trình chi tiết để thực thi các nhóm cam kết của TFA (trong đó nhóm A là nhóm thực hiện ngay, nhóm B là nhóm thực hiện theo lộ trình ngắn, nhóm C là thực hiện theo lộ trình dài).

Kết thúc cơ bản đàm phán Hiệp định VPA/FLEGT



Hiệp định VPA/FLEGT (tên đầy đủ là Hiệp định đối tác tự nguyện/ Tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ) giữa Việt Nam và EU đã kết thúc cơ bản đàm phán ngày 18/11/2016.

Đây là Hiệp định thương mại song phương giữa EU và Việt Nam nhằm thiết lập hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp (TLAS) để xác minh và cấp phép FLEGT cho các chuyến hàng gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam xuất khẩu vào EU. Khi hệ thống này được triển khai, với các lô hàng đã được cấp phép FLEGT bởi các cơ quan Việt Nam theo đúng quy trình và điều kiện trong Hiệp định, các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sẽ không phải thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy chế gỗ của EU khi hàng tới EU nữa.

Quá trình đàm phán VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU được bắt đầu từ tháng 11/2010. Cho tới khi tuyên bố kết thúc cơ bản đàm phán (ngày 18/11/2016), hai Bên đã trải qua 10 phiên đàm phán cấp cao, và 18 phiên kỹ thuật. Hiện tại, hai Bên đang tiến hành rà soát kỹ thuật các nội dung của Hiệp định để chuẩn bị cho việc ký kết chính thức và có hiệu lực của Hiệp định VPA/FLEGT, dự kiến là trong năm 2017.

Hiệp định VPA/FLEGT tập trung chủ yếu vào vấn đề xác định và thúc đẩy thương mại gỗ và sản phẩm gỗ có xuất xứ hợp pháp. Đi kèm Hiệp định là 09 phụ lục kỹ thuật về các vấn đề: Danh sách sản phẩm gỗ là đối tượng được cấp phép FLEGT; Định nghĩa gỗ hợp pháp; Điều kiện lưu thông tự do các sản phẩm gỗ; Quy trình, thủ tục cấp phép FLEGT; Hệ thống TLAS,

bao gồm cả việc giám sát độc lập hệ thống TLAS và các tiêu chí đánh giá độc lập hệ thống này; Công bố thông tin, và; Chức năng của Ủy ban thực hiện hỗn hợp (JIC).

Theo thông tin từ phía Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, trung bình Việt Nam xuất khẩu sang EU khoảng 700-800 triệu USD/năm; trong thời gian tới, con số này dự đoán có thể tăng lên 1 tỷ, thậm chí 2 tỷ USD/năm. Về nhu cầu thị trường, EU tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ vẫn rất lớn, lên tới 90 tỷ USD/năm. Có thể thấy rằng, tiềm năng của thị trường EU còn rất rộng mở đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Do vậy, hiểu biết để tuân thủ các quy định của VPA/FLEGT là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp để khai thác tiềm năng của thị trường này.

Đẩy mạnh tạo thuận lợi thương mại thông qua Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia

Cơ chế một cửa ASEAN là một sáng kiến khu vực kết nối và hợp nhất các Cơ chế một cửa Quốc gia của các nước Thành viên ASEAN. Mục tiêu của Cơ chế này là đẩy nhanh việc thông quan hàng hóa trong bối cảnh tăng cường hội nhập kinh tế trong ASEAN. Thực thi Cơ chế một cửa ASEAN sẽ giúp tăng cường khả năng tương thích của các nước thành viên với các tiêu chuẩn giao thức mở quốc tế. Đồng thời cơ chế này đảm bảo rằng mỗi nước thành viên sau đó có thể trao đổi thông tin một cách an toàn và đáng tin cậy với bất kỳ đối tác thương mại sử dụng các tiêu chuẩn mở quốc tế.

Hiện tại, Cơ chế một cửa ASEAN đang hỗ trợ việc trao đổi giấy chứng nhận xuất xứ trong nội khối ASEAN (Form D) và Tờ khai Hải

quan ASEAN trên cơ sở thí điểm tại bảy quốc gia thành viên và sẽ được mở rộng để trao đổi thêm những loại thông tin khác. Do Cơ chế này sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế chung nên có thể đồng thời hỗ trợ việc trao đổi giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và thông tin với các đối tác thương mại ngoài ASEAN. Những lợi ích gia tăng khác bao gồm khả năng tương thích về mặt pháp luật, hỗ trợ tăng cường hài hòa hóa chính sách ASEAN (ví dụ các biện pháp kiểm dịch thực vật), và trao đổi thông tin giữa các nước thành viên.

Để thực hiện cơ chế một cửa ASEAN, ngày 04/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1899/QĐ-TTg về việc Thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN, cơ chế

một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại. Tiếp theo đó, ngày 04/11/2016, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 2185/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016 - 2020. Qua đó đặt ra mục tiêu tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập khẩu, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến. Định hướng đến năm 2020, Việt Nam sẽ đảm bảo 100% các thủ tục hành chính thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia được thu phí, lệ phí bằng phương thức điện tử.



Tin Việt Nam

Thực thi Hiệp định Thương mại biên giới Việt – Lào

Hiệp định Thương mại biên giới Việt - Lào được ký kết ngày 27/06/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 02/01/2016. Hiệp định này bao gồm 23 Điều và 03 Phụ lục, trong đó hai Bên cam kết dành các ưu đãi đặc thù cho thương mại biên giới giữa hai nước. Hiệp định được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và Lào, tăng cường hợp tác kinh tế - thương mại và hội nhập khu vực ASEAN và Tiểu vùng Mê- kông Mở rộng.

Để thực thi Hiệp định này, ngày 01/07/2016, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 10/2016/TT-BCT hướng dẫn thực hiện một số Điều của Hiệp định Thương mại biên giới giữa Việt Nam và Lào. Thông tư này còn dẫn chiếu tới Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quản lý và hoạt động thương mại biên giới, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể liên quan trong phạm vi cam kết của Việt Nam tại Hiệp định này.

Ngoài ra, để thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi Hiệp định, ngày 23/08/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại biên giới Việt - Lào. Theo Kế hoạch này, các cơ quan chức năng liên quan sẽ triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung hiệp định; hướng dẫn thực hiện hiệp định và các văn bản hướng dẫn liên quan; hỗ trợ doanh nghiệp thương mại biên giới Việt - Lào; xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch qua biên giới Việt Nam - Lào; phát triển hoạt động của chợ biên giới; chia sẻ thông tin và đào tạo; tổ chức Hội nghị Hợp tác phát triển thương mại biên giới Việt - Lào luân phiên tại mỗi nước... Đây hứa hẹn sẽ là những khuôn khổ pháp lý thuận lợi để phát triển thương mại biên giới giữa hai nước.

Đàm phán Hiệp định thương mại mới giữa Việt Nam và Cuba

Hiệp định thương mại mới giữa Việt Nam và Cuba được xây dựng nhằm thay thế Hiệp định giữa Việt Nam và Cuba về Trao đổi thương mại và các hình thức hợp tác kinh tế khác ký năm 1996. Việc đàm phán Hiệp định này lần đầu được nhắc đến trong Chương trình Nghị sự kinh tế song phương trung hạn giữa Việt Nam và Cuba vào tháng 9/2014. Sau đó, Hiệp định này vẫn luôn được chú trọng và xúc tiến thông qua các cuộc gặp mặt giữa lãnh đạo của hai nhà nước.

Cho đến nay, Hiệp định thương mại mới giữa Việt Nam và Cuba đã trải qua hai vòng đàm phán. Theo thông tin từ Bộ Công Thương, sau vòng đàm phán thứ hai vào tháng 9/2016, hai bên đã thống nhất được lời văn của Hiệp định và tiến hành trao đổi các bản chào ưu đãi thuế quan. Theo các bản chào, trên 90% dòng thuế của 2 bên được đưa vào diện xóa bỏ ngay và cắt giảm theo lộ trình, chiếm 99% kim ngạch xuất khẩu của 2 nước.

Dự kiến vòng đàm phán tiếp theo của Hiệp định này sẽ được hai bên tiến hành tại thủ đô La Havana, Cuba trong quý I năm 2017 này.



Đàm phán Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Israel

Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Việt Nam-Israel chính thức khởi động đàm phán từ ngày 2/12/2015. Cho đến nay đàm phán này đã trải qua 2 vòng, vòng thứ nhất diễn ra từ ngày 28 - 30/3/2016 tại Việt Nam, vòng thứ hai từ ngày 1-4/8/2016 tại Israel. Trong vòng đàm phán thứ hai, hai bên đã tập trung vào các vấn đề thương mại hàng hoá, dịch vụ, các vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thể chế và giải quyết tranh chấp. Dự kiến vòng đàm phán thứ ba sẽ diễn ra vào đầu năm 2017.

Israel hiện là một đối tác thương mại rất tiềm năng của Việt Nam, với kim ngạch thương mại song phương tăng gấp 5 lần trong 5 năm từ mức 375 triệu USD năm 2011 lên gần 1,7 tỷ USD năm 2015. Israel cũng vừa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường từ ngày 29/5/2016.

Với việc đàm phán FTA giữa hai bên, trong thời gian tới Việt Nam hy vọng sẽ tăng cường trao đổi thương mại với Israel và thu hút nhiều hơn nữa nguồn đầu tư từ nước này (hiện tại Israel mới chỉ có 18 dự án FTA tại Việt Nam với tổng số vốn 39 triệu USD). Đồng thời, Việt Nam hy vọng học hỏi từ Israel trong các lĩnh vực như tài chính và khoa học công nghệ, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao.



Tin thế giới

Hoa Kỳ rút khỏi TPP và tương lai của Hiệp định này

Ngày 23/1/2017, ba ngày sau lễ nhậm chức, Tổng thống Donald Trump đã ký sắc lệnh chỉ thị Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Mặc dù trong suốt quá trình vận động tranh cử, ông Trump đã nhiều lần công khai phản đối TPP, khi mới đắc cử ông đã tuyên bố Hoa Kỳ sẽ rút khỏi TPP ngay trong ngày đầu tiên ông lên nhậm chức, và điều này được khẳng định lại trong chiến lược thương mại mới của Hoa Kỳ trên website của Nhà Trắng ngay trong ngày 20/1/2017, nhưng khi việc này thành hiện thực, không ít người vẫn cảm thấy bàng hoàng.

Trước đó, vào ngày 10/1/2016, trong bài phát biểu cuối cùng với tư cách là Đại diện Thương mại Hoa Kỳ, ông Michael Froman, Nguyên Trưởng đoàn đàm phán TPP của Hoa Kỳ, Froman đã nói rằng nếu Hoa Kỳ không thông qua TPP thì đây sẽ là “món quà lớn nhất mà một Tổng thống Hoa Kỳ dành cho Trung Quốc”. Câu nói này đã đánh trúng chính sách “sẵn sàng đổi đầu” của ông Trump đối với Trung Quốc. Hiện tại Trung Quốc đang tìm cách nâng cao tầm ảnh hưởng của mình ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương với việc đề xuất thành lập Khu vực Thương mại Tự do Châu Á - Thái Bình Dương và thúc đẩy đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Nếu Hoa Kỳ nhấc chân khỏi TPP, cũng đồng thời với việc bỏ ngỏ thị trường rộng lớn này lại cho Trung Quốc.

Trong tình hình này, mặc dù gần như chắc chắn TPP sẽ không được thông qua bởi Hoa Kỳ trong năm 2017, nhiều chuyên gia tiếp tục hy vọng chính quyền của ông Trump sẽ có cái nhìn khác về TPP trong năm 2018 hoặc sau đó nữa. Nhưng

dù có như vậy, khả năng lớn là TPP sẽ phải điều chỉnh, thay đổi, hoặc thậm chí là thay “mác” mới.

Trong khi đó, các nước khác vẫn đang tiếp tục theo đuổi một TPP không có Hoa Kỳ. Theo tuyên bố chung ngày 17/2/2017 của Thủ tướng Australia - Hon Malcolm Turnbull MP và Thủ tướng New Zealand - Rt Hon Bill English sau Hội nghị các nhà lãnh đạo Úc và New Zealand hàng năm, thì Úc và New Zealand sẽ tiếp tục làm việc cùng nhau và cùng với các nước thành viên TPP khác để thúc đẩy TPP. Hiện tại New Zealand đang hoàn tất các thủ tục cuối cùng để thông qua TPP.

Về phía Nhật Bản, trong một bài phát biểu của phó phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Nhật Bản sau một

cuộc gặp giữa Thủ tướng Nhật Bản - Shinzo Abe và ông Trump ngày 10/2/2017, thì Nhật Bản sẽ tiếp tục thuyết phục Hoa Kỳ về tầm quan trọng của TPP và rằng Nhật Bản sẽ không từ bỏ TPP. Nhật Bản cũng là thành viên đầu tiên hoàn tất thủ tục thông qua TPP vào ngày 20/1/2017.

Trong nỗ lực tiếp tục TPP, Chile có sáng kiến tổ chức hội nghị về TPP, dự kiến vào 14-15/3/2017 tại nước này với hy vọng sẽ tìm ra giải pháp cho tương lai của TPP. Theo thông tin từ nước chủ nhà Chile thì tất cả các nước thành viên TPP đều được mời, bao gồm cả Hoa Kỳ dù nước này đã tuyên bố rút khỏi TPP. Đáng chú ý, cả Trung Quốc, Colombia và Hàn Quốc cũng được mời tham gia hội nghị này. Trong một bài phát biểu ngày 25/1/2017, thứ trưởng thương mại Chile - Paulina Nazal đã nói rằng bà hy vọng sự tham gia của Trung Quốc sẽ giúp vạch ra đường hướng cho một thoả thuận thương mại mới.

Về phía Việt Nam, Chính phủ đã tuyên bố quyết tâm tiếp tục các cải cách trong nước dù tương lai TPP có thể nào đi chăng nữa. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, một TPP với tương lai khó đoán định khiến nhiều kỳ vọng ở Hiệp định này bị ảnh hưởng. Mặc dù vậy, có một thực tế là ngoài TPP, Việt Nam đang thực thi 10 Hiệp định thương mại tự do (FTA), sắp ký Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU và tiếp tục đàm phán 5 FTA mới. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam có rất nhiều cơ hội ở các thị trường khác có thể tận dụng trong thời gian tới trong khi chờ đợi một tương lai rõ ràng hơn của TPP.



Đàm phán RCEP có tín hiệu mới khả quan

Trong năm 2016, 10 nước ASEAN và 6 nước đối tác thương mại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand tiếp tục tiến hành 6 vòng đàm phán mới của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP):

Kết quả sau 6 vòng đàm phán của năm 2016 các nước RCEP đã đạt được thoả thuận cuối cùng ở 2 Chương: Chương Hợp tác kinh tế và kỹ thuật (kết thúc ở Vòng thứ 15), và Chương Doanh nghiệp vừa và nhỏ (kết thúc ở Vòng thứ 16).

Trong bài phát biểu khai mạc Vòng đàm phán thứ 16 tại Indonesia, Bộ trưởng Thương mại Indonesia, ông Enggartiasto Lukita, đã nhấn mạnh tình hình thế giới trong giai đoạn gần đây. Đó là sự phát triển kinh tế thế giới âm ảm, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và bất ổn (tiêu biểu là việc Hoa Kỳ có khả năng rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương - TPP sau khi tổng thống mới lên nắm chính quyền; và vụ việc Brexit - Anh rút khỏi Liên minh châu Âu). Do đó việc nhanh chóng kết thúc đàm phán RCEP để tăng cường tiếp cận thị trường cho các nước thành viên của Hiệp định càng trở nên quan trọng. Với tư cách là nước chủ nhà của Vòng đàm phán thứ 16, Indonesia kêu gọi các nước thành viên RCEP hoàn tất đàm phán Hiệp định trong năm 2017. Trước đó các nước cũng đã đặt ra mục tiêu kết thúc RCEP trong năm 2016 nhưng không thực hiện được.

Một trong những nguyên nhân chính khiến đàm phán RCEP gần 4 năm qua vẫn chưa đạt được nhiều tiến triển là do khác biệt về trình độ phát triển và quan điểm đàm phán của 16 nước thành viên RCEP. Trong khi một số nước như Nhật Bản, Úc, New Zealand mong muốn RCEP phải là một hiệp định tiêu chuẩn cao với các cam kết sâu rộng

Diễn biến	Thời gian	Địa điểm
Vòng đàm phán thứ 11	15/02 - 19/02/2016	Bandar Seri Begawan, Brunei
Vòng đàm phán thứ 12	17/04 - 29/04/2016	Perth, Australia
Vòng đàm phán thứ 13	12/06 - 18/06/2016	Auckland, New Zealand
Phiên họp giữa kỳ lần thứ 3 của Ủy ban đàm phán về thương mại của RCEP (bao gồm các trưởng đoàn đàm phán và các trưởng nhóm đàm phán về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư)	18/07 - 19/07/2016	Jakarta, Indonesia
Hội nghị Bộ trưởng RCEP lần thứ 4	05/08/2016	Viên, Lào
Vòng đàm phán thứ 14	15/08 - 19/08/2016	TP. HCM, Việt Nam
Vòng đàm phán thứ 15	17/10 - 21/10/2016	Thiên Tân, Trung Quốc
Phiên họp giữa kỳ lần thứ 2 của các Bộ trưởng RCEP	03/11 - 4/11/2016	Cebu, Philippines
Vòng đàm phán thứ 16	02/12 - 10/12/2016	Tangerang, Indonesia

trong nhiều lĩnh vực chứ không chỉ lĩnh vực hàng hoá (điều mà đã được giải quyết tương đối trong các FTA đã có giữa các nước thành viên), một số nước khác trong đó tiêu biểu là Ấn Độ tỏ ra dè dặt ngay cả trước các cam kết về mở cửa thị trường hàng hoá.

Trong các vòng đàm phán trước đây, Ấn Độ giữ quan điểm áp dụng các mức thuế quan khác nhau cho các nước khác nhau. Theo một số nguồn tin, Ấn Độ đề xuất tỷ lệ xoá bỏ thuế quan đối với các nước ASEAN là 80% (khối này đã có FTA với Ấn Độ), đối với Nhật Bản và Hàn Quốc là 62,5% (hai nước này cũng đã có FTA với Ấn Độ), và chỉ 42,5% đối với Trung Quốc, Úc và New Zealand (các nước chưa có FTA với Ấn Độ). Điều này đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của các nước thành viên khác bởi thứ nhất là tỷ lệ xoá bỏ thuế quan do Ấn Độ đề xuất tương đối thấp, thứ hai là

phân biệt đối xử giữa các nhóm nước khác nhau. Tuy nhiên, tại Hội nghị bộ trưởng RCEP lần thứ 4 vào đầu tháng 8 năm 2016, Ấn Độ đã thông báo về việc thay đổi quan điểm áp dụng các mức thuế khác nhau cho các nhóm nước khác nhau. Theo nhiều chuyên gia dự đoán, sở dĩ Ấn Độ có sự thay đổi này là nhằm đổi lại các lợi ích cao hơn về tiếp cận thị trường dịch vụ và đầu tư cho các công ty của Ấn Độ ở các nước thành viên khác.

Với việc Ấn Độ thay đổi quan điểm tiếp cận về việc cắt giảm thuế quan theo hướng tích cực hơn, và khả năng TPP sẽ suy giảm tác động sau khi Hoa Kỳ rút khỏi, thì vai trò của RCEP dường như trở nên quan trọng hơn đặc biệt đối với các nước thành viên TPP trong Hiệp định này. Vì vậy, nhiều ý kiến cho rằng trong năm 2017 đàm phán RCEP sẽ có thêm nhiều tiến triển để có thể sớm kết thúc như kỳ vọng.

Tin thế giới



Nước Anh, Brexit và các FTA

Ngày 23/6/2016, người dân Anh đã bỏ phiếu rời khỏi Liên minh châu Âu (EU). Sự kiện với cái tên Brexit này (Britain - Exit) đã gây chấn động không chỉ với nước Anh, toàn thể châu Âu mà cả thế giới. Brexit sẽ có tác động mạnh mẽ tới kinh tế và chính trị của Anh khi nước này chính thức rời EU và chấm dứt một loạt các thoả thuận, hiệp định trong khuôn khổ của Liên minh này. Tuy nhiên mức độ tác động lớn đến đâu sẽ phụ thuộc vào việc Anh sẽ rời khỏi EU như thế nào.

Để rời khỏi EU, Anh sẽ phải kích hoạt Điều 50, Hiệp ước Lisbon của EU - Điều khoản này quy định về thủ tục để một nước thành viên rút khỏi EU. Theo đó Anh sẽ phải đàm phán với EU một Thoả thuận về việc rút khỏi EU, có tính đến mối quan hệ trong tương lai với khu vực này. Quá trình đàm phán tối đa là 2 năm trừ khi cả hai bên thống nhất kéo dài thêm. Và Anh sẽ chỉ

chính thức ra khỏi EU khi Thoả thuận rút khỏi này được hoàn tất, còn trước đó Anh sẽ tiếp tục phải tuân thủ tất cả các quy định và hiệp ước hiện tại của EU nhưng không được tham gia ý kiến trong bất kỳ quyết định nào của Liên minh này.

Một trong những vấn đề trọng tâm trong đàm phán rút khỏi EU của Anh được cho là về thương mại, đặc biệt là việc liệu Anh tiếp tục ở lại hay rời khỏi thị trường chung châu Âu. Theo phát biểu gần đây của Thủ tướng Anh, Bà Theresa May, thì dường như Anh không có ý định ở lại thị trường chung này. Tuy nhiên, cả Anh và các nước EU đều không muốn Brexit tác động tiêu cực đến thương mại giữa các bên. Nếu Anh ra khỏi thị trường chung châu Âu, thì hàng hoá từ Anh vào EU và từ EU vào Anh sẽ không còn tự do (không có thuế quan) như trước nữa mà sẽ áp dụng mức thuế MFN theo WTO. Do đó, hiện tại Anh đang để mở khả

năng đàm phán một liên minh thuế quan mới với EU.

Tuy nhiên, một liên minh thuế quan đầy đủ có nghĩa là tất cả các nước thành viên trong liên minh đó sẽ áp dụng mức thuế quan bằng 0% cho hàng hoá của nhau, và phải áp dụng chung một mức thuế quan giống nhau cho hàng hoá của các nước ngoài liên minh. Điều này sẽ làm hạn chế khả năng Anh đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA) riêng với các đối tác ngoài EU. Bởi nếu Anh không được áp dụng các mức thuế quan ưu đãi riêng đối với các đối tác khác thì các đối tác này sẽ chẳng mặn gì đàm phán FTA với Anh.

Do đó, bài toán khó đối với Anh hiện tại là đàm phán một thoả thuận như thế nào với EU để các doanh nghiệp tiếp tục được hưởng lợi từ thị trường chung châu Âu mà Chính phủ Anh vẫn có thể tự do đàm phán các FTA mới với các đối

tác khác. Họ cũng có thể theo kinh nghiệm của Thổ Nhĩ Kỳ - nước này có thoả thuận riêng về liên minh thuế quan với EU, theo đó Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chỉ phải áp dụng cơ chế thuế quan chung với EU (áp dụng mức thuế quan tương tự mức của EU) đối với các sản phẩm công nghiệp và một số sản phẩm nông nghiệp chế biến nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ từ các nước ngoài EU. Điều đó có nghĩa là Thổ Nhĩ Kỳ vẫn được tự do đàm phán các thoả thuận tự do hoá đối với các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến với các nước ngoài EU. Nhưng hạn chế của kiểu liên minh thuế quan này đối với Thổ Nhĩ Kỳ đó là nếu một nước ngoài EU có FTA với EU thì lập tức các hàng hoá công nghiệp và nông nghiệp chế biến của họ có thể tự do vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ dù chưa có FTA với nước này.

Theo bà May thì Anh không muốn bắt chước bất kỳ mô hình sẵn có nào. Nước này sẽ tiến tới một hiệp định thuế quan hoàn toàn mới với EU, dù theo cách trở thành một thành viên liên kết của liên minh thuế quan này, hay vẫn tiếp tục giữ vị trí như thành viên ban đầu nhưng chỉ đối với một số thoả thuận nhất định. Tóm lại, Anh sẽ tìm cách để có thể vừa tiếp tục duy trì quan hệ thương mại với các nước EU, vừa có “không gian” riêng cho đàm phán các FTA mới sau khi rời khỏi EU.

Câu hỏi được đặt ra tiếp theo với nước Anh là với WTO các FTA đã có của EU mà trước đây Anh cũng là một thành viên thì sẽ như thế nào?

Trong WTO và các FTA mà EU đã ký với các đối tác thương mại ngoài EU thì EU (bao gồm tất cả các thành viên EU) được coi là một bên của Thỏa thuận. Trong các cam kết về mở cửa thị trường hàng hoá, cả khối EU sẽ áp dụng một mức thuế quan chung đối với đối tác và ngược lại đối tác sẽ dành mức thuế quan tương tự cho tất cả các thành

viên EU. Tuy nhiên, trong một số cam kết khác, ví dụ cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ, thì mỗi nước EU có thể có cam kết riêng. Do đó, sẽ không có khó khăn gì cho Anh nếu tiếp tục thực hiện WTO và các FTA sau Brexit, trừ khi nước này thực sự muốn đàm phán lại. Tuy nhiên, để làm được điều này thì Anh cũng phải được sự đồng ý của các nước đối tác, mà chắc hẳn điều này sẽ không có trở ngại gì bởi các đối tác cũng không muốn mất đi những ưu đãi từ thị trường Anh. Nếu các bên cùng thống nhất duy trì các cam kết trong WTO và FTA thì thủ tục có thể chỉ đơn giản là một thoả thuận hay phụ lục bổ sung. Nhiều khả năng nước Anh sẽ chọn theo hướng này để không phải mất

công đàm phán lại rất nhiều các FTA đã có trong khuôn khổ EU, và tập trung vào các FTA mới với các đối tác mà họ quan tâm.

Còn đối với FTA giữa EU với Việt Nam (EVFTA), hiện FTA này mới kết thúc đàm phán, chưa được ký kết và cũng chưa có hiệu lực, thì khả năng Anh tiếp tục theo đuổi FTA này vẫn chưa rõ ràng. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp Việt Nam, Anh là một đối tác thương mại và đầu tư lớn, vì vậy họ vẫn mong muốn Anh tiếp tục FTA này. Câu trả lời có lẽ phải đợi đến khi Anh hoàn thành thủ tục rút khỏi EU, việc mà hiện tại ngay cả nước Anh và EU cũng chưa biết sẽ hoàn tất khi nào.



Tin thế giới

Tổng quan về Hội nghị APEC 2016 và hướng tới năm APEC Việt Nam 2017

Dẫn đầu Hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập năm 1989, là diễn đàn của 21 nền kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Trung Quốc, Hong Kong (Trung Quốc), Đài Loan (Trung Quốc), Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Papua New Guinea, Peru, Philippines, Nga, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và Việt Nam. Khu vực các nước thành viên APEC có khoảng 2,8 tỷ dân, chiếm cho 57% tổng sản phẩm quốc nội của thế giới và 49% kim ngạch thương mại toàn cầu. Mặc dù chỉ được coi như một diễn đàn để lãnh đạo các quốc gia gặp gỡ và có những trao đổi mang tính ngoại giao, APEC đã có những thành tựu đáng kể trong việc đặt nền tảng hợp tác sâu rộng hơn đối với các Chính phủ và doanh nghiệp. Mỗi năm APEC lại tổ chức một Hội nghị Thượng đỉnh với sự tham gia của lãnh đạo cao nhất của các nền kinh tế thành viên và loạt nhiều hội nghị chuyên đề khác ở các cấp thấp hơn.

Năm 2016, Hội nghị Thượng đỉnh APEC lần thứ 24 diễn ra từ 14 - 21/11/2016 tại thủ đô Lima (Peru), với chủ đề "Tăng trưởng chất lượng và phát triển nguồn nhân lực: Những nền tảng cho tăng trưởng bền vững ở châu Á-Thái Bình Dương". APEC 24 tập trung thảo luận 04 ưu tiên chính: (1) Liên kết kinh tế khu vực và tăng trưởng chất lượng; (2) Thị trường lương thực khu vực; (3) Hiện đại hóa doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; (4) Phát triển vốn và nguồn nhân lực. Đồng thời Hội nghị còn kêu gọi lãnh đạo các nước kiên quyết bảo vệ thương mại tự do

trước các xu hướng chủ nghĩa bảo hộ ở châu Âu và Hoa Kỳ. Hội nghị APEC 24 đã thông qua Tuyên bố của các nhà lãnh đạo APEC với hai văn kiện gồm: Tuyên bố Lima về Khu vực thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương; và Lộ trình về năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ.

Việt Nam là nước chủ nhà của năm APEC năm 2017, với chủ đề "Tạo động lực mới, cùng vun đắp tương lai chung". Đây là lần thứ hai Việt Nam đảm nhận vai trò chủ nhà APEC, qua đó thể hiện sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam, đồng thời khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc hội nhập quốc tế sâu rộng và nâng tầm đối ngoại đa phương.

Trong khuôn khổ các hoạt động của năm APEC Việt Nam 2017, từ ngày 18/02 - 03/03/2017, tại TP. Nha Trang (Khánh Hòa) diễn ra Hội nghị lần thứ nhất các quan chức cấp cao APEC (SOM 1) và các cuộc họp liên quan. Phát biểu tại phiên khai mạc, Chủ tịch SOM APEC 2017, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn nhấn mạnh APEC đang ở giai đoạn quan trọng nhằm đẩy mạnh nỗ lực hoàn thành các Mục tiêu Bogor về tự do hoá thương mại và đầu tư vào năm 2020. Trong khuôn khổ Hội nghị, 11 hoạt động với sự tham dự của 590 đại biểu đã diễn ra với 09 ủy ban, nhóm công tác của APEC về Thương mại và Đầu tư (CTI), Kinh tế (EC), Dịch vụ (GOS), Đầu tư (IEG), Du lịch (TWG), Y tế (HWG), Thương mại điện tử (ECSG), Kết nối chuỗi cung ứng (A2C2), và Chính sách và luật cạnh tranh (CPLG). Đây là Hội nghị mở đầu cho năm APEC Việt Nam 2017, có ý nghĩa quan trọng trong việc khởi

động cho các công tác chuẩn bị cho Tuần lễ Cấp cao (trong đó có Hội nghị thượng đỉnh APEC) được tổ chức vào tháng 11/2017 tại TP. Đà Nẵng. Các Hội nghị SOM 2 và SOM 3 sẽ lần lượt diễn ra tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh vào tháng 5 và tháng 8 tới.

Trong bối cảnh ảm đạm của nền kinh tế toàn cầu, và nhiều thách thức từ các xu hướng của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và chống toán cầu hóa, Hội nghị APEC 2017 hứa hẹn sẽ tạo thêm "động lực mới" thúc đẩy hội nhập và liên kết.





Trung Quốc chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường

N Ngày 11/12/2016 là thời điểm đánh dấu 15 năm Trung Quốc gia nhập WTO. Đây cũng là mốc thời gian mà, theo như giải thích từ phía Trung Quốc, thì nước này sẽ chấm dứt việc bị coi là nền kinh tế phi thị trường theo Nghị định thư gia nhập WTO của Trung Quốc năm 2001 (Nghị định thư này có điều chỉnh việc so sánh giá cả trong điều tra xác định trợ cấp và bán phá giá).

Cụ thể, theo Điều 15 của Nghị định thư này thì trong các cuộc điều tra về chống bán phá giá đối với các sản phẩm của Trung Quốc, các thành viên WTO có thể sử dụng giá so sánh tại thị trường Trung Quốc nếu các nhà sản xuất của Trung Quốc có thể chứng minh được rằng ngành của mình hoạt động theo các yếu tố kinh tế thị trường, nếu không thì sẽ sử dụng giá so sánh tại một thị trường khác ngoài Trung Quốc. Chính vì điều khoản này, trong rất nhiều cuộc điều tra chống bán phá giá đối với các sản phẩm của Trung Quốc, các nước nhập khẩu đã áp dụng giá so sánh tại một nước thứ ba khiến cho các

nhà sản xuất của Trung Quốc bị bất lợi hơn so với việc sử dụng giá so sánh tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, Điều 15 của Nghị định cũng quy định cách tính toán dựa trên giá so sánh tại nước thứ ba này sẽ chấm dứt sau 15 năm kể từ ngày Trung Quốc gia nhập WTO.

Theo Trung Quốc thì quy định của WTO phải được hiểu là sau 15 năm, việc sử dụng giá so sánh tại nước thứ ba phải chấm dứt, và các nước nhập khẩu khi điều tra hàng Trung Quốc sẽ phải sử dụng phương pháp tính toán chuẩn của WTO - tức là dựa trên giá so sánh tại thị trường Trung Quốc. Nói cách khác, theo Trung Quốc thì sau 15 năm, Trung Quốc tự động được xem là nền kinh tế thị trường trong các điều tra chống bán phá giá ở nước ngoài.

Trong khi đó, Hoa Kỳ và EU, hai đối tác thương mại lớn và cũng là các thị trường kiện chống bán phá giá với hàng Trung Quốc ở tần suất cao, lại cho rằng Điều 15 nói trên không tự động cho Trung Quốc quy chế kinh tế thị trường mà chỉ có thể

được hiểu là sau thời hạn 15 năm, các nước sẽ không được sử dụng phương pháp tính giá so sánh ở một nước thứ ba mà thôi, chứ không bắt buộc phải sử dụng phương pháp tính toán chuẩn (áp dụng cho nền kinh tế thị trường) của WTO. Thậm chí, có ý kiến còn phân tích khá máy móc rằng Điều 15 nói trên chỉ hủy phương pháp tính toán giá so sánh tại thị trường nước thứ ba, còn nếu muốn sử dụng giá so sánh tại thị trường Trung Quốc thì doanh nghiệp Trung Quốc vẫn tiếp tục phải chứng minh được ngành mình hoạt động theo các tiêu chí thị trường.

Hiện tranh cãi về cách giải thích với quy định này giữa các Bên vẫn chưa đi tới hồi kết. Thậm chí các bên còn chưa có động thái nào cụ thể để đưa vấn đề này ra giải quyết trong khuôn khổ cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO. Trung Quốc tuyên bố sẽ làm tất cả để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình trong vấn đề này. Dự kiến tranh cãi này sẽ còn cần nhiều thời gian để có thể được giải quyết thống nhất.

Tin thế giới

Hiệp định thương mại tự do Nhật Bản – EU tiếp tục kéo dài tới 2017

Đàm phán về Hiệp định thương mại tự do giữa Nhật Bản và EU đã được khởi động từ tháng 4/2013. Tuy nhiên, do hai bên gặp nhiều mâu thuẫn trong các vấn đề nông sản, thực phẩm chế biến và ô tô nên đàm phán liên tục bị kéo dài. Trong năm 2016, hai bên đã gần đạt được thoả thuận nhưng vẫn vướng ở những vấn đề khó khăn nhất. Cụ thể, Nhật Bản muốn EU dỡ bỏ thuế quan đối với các sản phẩm ô tô và thiết bị điện tử cũ nhập khẩu từ Nhật Bản, trong khi EU yêu cầu Nhật Bản phải loại bỏ hoặc giảm thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp như phô mai, rượu và thịt lợn của EU và cả hai đều tỏ ra không muốn nhượng bộ các yêu cầu này. Vì vậy, khả năng đến 2017 hai bên mới có thể kết thúc đàm phán và ký kết hiệp định này. Hiện tại, Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ bảy của EU, trong khi EU là đối tác thương mại lớn thứ ba của Nhật Bản, sau Trung Quốc và Hoa Kỳ. Tổng thương mại giữa Nhật Bản và EU đạt xấp xỉ khoảng 16.600 tỷ Yên (khoảng 140,5 tỷ USD).



Đàm phán Hiệp định đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương giữa Hoa Kỳ và EU (TTIP) gặp bế tắc

Đàm phán Hiệp định thương mại tự do xuyên Đại Tây Dương giữa Liên minh châu Âu EU và Hoa Kỳ (TTIP) khởi động từ tháng 7/2013, và đã trải qua 15 vòng đàm phán mà không có tín hiệu khả quan nào. Tại châu Âu, nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra, những người phản đối cho rằng Hiệp định này sẽ hủy hoại các tiêu chuẩn của khối trong các lĩnh vực chủ chốt như chăm sóc sức khỏe, thị trường lao động, phúc lợi xã hội và môi trường. Trong khi đó tại Hoa Kỳ, Tổng thống mới Donald Trump sau khi ký sắc lệnh rút khỏi TPP đã để ngỏ khả năng đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương. Với việc ông Trump liên tục chỉ trích các thỏa thuận thương mại quốc tế đang trước mắt việc làm của người dân và làm tổn thương sức cạnh tranh của doanh nghiệp nước này, tương lai các FTA của Hoa Kỳ dưới chính quyền của ông Trump được dự báo là sẽ gặp nhiều khó khăn. Trong những động thái mới nhất, EU đã bày tỏ quan ngại về tương lai của TTIP và có thể chuyển hướng đàm phán FTA với các quốc gia khác.





EU và Canada chính thức ký kết Hiệp định thương mại và kinh tế toàn diện

Hiệp định thương mại và kinh tế toàn diện giữa Liên minh châu Âu (EU) và Canada (Hiệp định CETA) đã được ký kết chính thức vào ngày 30/10/2016. Hiện tại, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu thông qua Hiệp định này vào ngày 15/02/2017. Tiếp theo là quá trình phê chuẩn Hiệp định này tại từng nước thành viên EU. Về phía Canada, nước này cũng đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thông qua Hiệp định này.

Hiệp định CETA là một Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tương đối toàn diện về cả phạm vi lẫn mức độ cam kết. Về phạm vi, Hiệp định bao gồm nhiều nội dung, trong đó có cả các vấn đề thương mại và phi thương mại. Về mức độ cam kết, các cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư trong Hiệp định được đánh giá là ở mức cao với cả hai phía EU và Canada.

Đối với EU, sau khi FTA này được thông qua và có hiệu lực, Canada sẽ là đối tác FTA lớn nhất cho tới thời điểm này về cả quy mô thị trường lẫn mức độ phát triển kinh tế. Còn đối với Canada, đây là Hiệp định có mức độ mở cửa sâu rộng nhất mà nước này đã từng có, lớn hơn cả Hiệp định Thương mại Bắc Mỹ (NAFTA) với Hoa Kỳ và Mexico trước đây

Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong WTO, EVFTA và TPP





Tính tới tháng 11/2016, Việt Nam đã có cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ WTO và một loạt các Hiệp định song phương hoặc đa phương, trong đó đáng kể là Hiệp định Đối tác Xuyên Thái bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Theo thống kê sơ bộ cho thấy tổng cộng Việt Nam đã có cam kết mở cửa ở cả 12 ngành dịch vụ với khoảng trên 150 phân ngành dịch vụ.

Trên thực tế, với phương thức quản lý và ban hành chính sách riêng rẽ theo lĩnh vực dịch vụ, hệ thống các chính sách, pháp luật về việc mở cửa các thị trường dịch vụ của Việt Nam cho các nhà đầu tư nước ngoài là đặc biệt phức tạp cả về số lượng văn bản lẫn cách thức, cơ chế mở cửa trong các văn bản này.

Điều này một mặt khiến cho hệ thống chính sách, pháp luật về mở cửa các thị trường dịch vụ của Việt Nam không minh bạch, gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực này. Mặt khác, tình trạng này cũng dẫn tới sự khó kiểm soát mức độ thực thi cam kết của Việt Nam về việc mở cửa thị trường dịch vụ, cản trở tiến trình tự do hóa nói chung và trong khu vực dịch vụ nói riêng.



Việt Nam đưa ra cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ cho đầu tư nước ngoài lần đầu tiên trong khuôn khổ Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) năm 2002. Tuy nhiên phải tới cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, các cam kết này mới thực sự bao trùm cho các đối tác thương mại.

Sau gần 10 năm với chỉ một số cam kết mở cửa hạn chế trong khuôn khổ các đàm phán Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, Việt Nam lại một lần nữa đưa ra các cam kết mở rộng hơn đáng kể ở một số các lĩnh vực với hai Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới là Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

Theo thống kê, chỉ trong WTO Việt Nam đã có cam kết mở cửa ở cả 11 ngành dịch vụ với hàng trăm phân ngành dịch vụ, với các mức độ mở cửa khác nhau. Với TPP và EVFTA, số lượng các lĩnh vực có cam kết mở cửa và mức độ mở cửa gia tăng thêm đáng kể.

Các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam có cam kết mở cửa

Trong so sánh với Bảng phân ngành dịch vụ của Liên Hợp Quốc (mà WTO, TPP và EVFTA sử dụng) thì Việt Nam đã có cam kết mở cửa theo WTO, TPP và EVFTA trong cả 12 ngành (bao gồm 11 ngành dịch vụ được phân nhóm theo tính chất hoạt động và 01 nhóm gồm các “dịch vụ khác”) với khoảng trên 150 phân ngành dịch vụ.

Không có con số chính xác về các lĩnh vực dịch vụ cụ thể mà Việt Nam có cam kết mở cửa trong WTO, TPP và EVFTA bởi ít nhất 02 lý do sau:

- Trong TPP, với phương pháp đàm phán chọn - bỏ (chỉ giữ lại các lĩnh vực mở cửa có điều kiện hoặc chưa cam kết, tất cả các lĩnh vực khác mở cửa hoàn toàn), chỉ có thể xác định được các dịch vụ mở cửa hạn chế hoặc chưa cam kết mở, mà không xác định được các dịch vụ đã mở hoàn toàn;
- Trong WTO, TPP và EVFTA, các lĩnh vực dịch vụ có cam kết mở cửa được liệt kê không theo hệ thống thống nhất về cấp số của mã ngành dịch vụ (mã CPC¹), đa phần là mã CPC 4 số, 5 số nhưng cũng có nhiều trường hợp là mã CPC 3 số; thậm chí trong một số trường hợp, cam kết mở cửa được thực hiện theo miêu tả, tên gọi của ngành dịch vụ mà không xác định mã CPC.

Do đó, chỉ có thể tóm tắt các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam có cam kết mở cửa theo tên gọi của dịch vụ như liệt kê trong Bảng dưới đây.

¹ CPC là hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm của Liên Hợp Quốc, được sử dụng làm căn cứ đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ trong cả WTO, TPP và EVFTA. Mỗi mã CPC có thể bao gồm nhiều cấp (phân ngành, tiểu phân ngành). Hiện tại có các mã CPC cấp 1 số đến cấp 5 số, ngoài ra còn có các mã CPC đánh dấu * (* hoặc **).



Danh mục các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam chưa có cam kết mở cửa

Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành dịch vụ chưa cam kết
Các dịch vụ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">• In (CPC 88442)• Trưng cầu ý kiến công chúng (CPC 864)• Điều tra và an ninh (một phần CPC 873) (ngoại trừ dịch vụ hệ thống an ninh)• Giám định phương tiện giao thông và chứng nhận phương tiện vận tải (CPC 8676)• Trọng tài và hòa giải (trừ dịch vụ trọng tài và hòa giải cho tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp) (CPC 86602)• Dịch vụ cung ứng nhân sự (CPC 872)• Dịch vụ liên quan tới đánh bắt cá (882) ngoại trừ dịch vụ tư vấn chuyên biệt liên quan tới thủy, hải sản, nuôi trồng thủy hải sản• Các dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp (ngoại trừ dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống) (CPC 881)• Dịch vụ thăm dò khoáng sản, đánh giá và thăm dò dầu khí và các dịch vụ khảo sát địa chất thuộc mã CPC 8675
Dịch vụ thông tin	<ul style="list-style-type: none">• Truyền thông đại chúng• Phân phối băng đĩa hình
Dịch vụ phân phối	<ul style="list-style-type: none">• Chợ truyền thống• Sàn giao dịch hàng hóa
Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none">• Không thuộc phạm vi rà soát này
Dịch vụ y tế và xã hội	<ul style="list-style-type: none">• Dịch vụ hạ tầng y tế cho dân cư không phải là dịch vụ bệnh viện
Dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao	<ul style="list-style-type: none">• Mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, các hoạt động văn hóa khác (nhiếp ảnh, triển lãm nghệ thuật, biểu diễn thời trang, các cuộc thi người mẫu và hoa hậu, kinh doanh karaoke và vũ trường, tổ chức lễ hội)• Bảo vệ duy trì và tu bổ di sản văn hóa vật thể• Câu lạc bộ võ thuật khí công, thể thao mạo hiểm• Dịch vụ xổ số, đánh bạc, cá cược



Ngành dịch vụ có cam kết

Phân ngành dịch vụ chưa cam kết

Dịch vụ vận tải

- Điều hành sân bay (trừ một số dịch vụ cụ thể đã được cam kết mở cửa)
- Dịch vụ lau dọn máy bay, vận chuyển mặt đất, quản lý sân bay và dịch vụ không lưu
- Xây dựng, vận hành và quản lý cảng sông, cảng biển và sân bay
- Vận tải hành khách bằng đường sắt
- Vận tải thủy nội địa: dịch vụ vận tải ven bờ, thuê tàu kèm đội thủy thủ
- Vận tải vũ trụ
- Vận tải đường ống
- Vận tải đường sắt (dịch vụ vận tải nội địa, dịch vụ kinh doanh hạ tầng)
- Dịch vụ vận tải đường bộ nội địa
- Dịch vụ kéo đẩy

Đối với các lĩnh vực Việt Nam chưa cam kết mở cửa, Việt Nam có thể áp dụng bất kỳ biện pháp, điều kiện đầu tư nào đối với nhà đầu tư nước ngoài (thường là các biện pháp cấm hoặc hạn chế về gia nhập, hoạt động trên thị trường). Điều này không có nghĩa là Việt Nam đóng cửa các lĩnh vực này đối với đầu tư nước ngoài mà chỉ có nghĩa là Việt Nam có không gian rộng rãi để thực hiện các chính sách phát triển ngành phù hợp với nhu cầu của mình. Vấn đề còn lại là với không gian này, làm thế nào để xác định đúng mục tiêu chính sách để có biện pháp mở cửa thích hợp, vừa bảo đảm mục tiêu chính sách vừa không cản trở bất hợp lý cạnh tranh trong các lĩnh vực này.



Mức độ cam kết mở cửa các lĩnh vực dịch vụ của Việt Nam

Như đã đề cập, Việt Nam đã có cam kết mở cửa bao trùm phần lớn các phân ngành dịch vụ trong Danh mục các ngành dịch vụ CPC. Tuy nhiên, mức độ mở cửa mà Việt Nam cam kết là không giống nhau giữa các phân ngành dịch vụ và giữa các cam kết WTO, TPP và EVFTA.

Rà soát cho thấy trong tổng thể mức độ mở cửa của Việt Nam trong WTO là hẹp nhất, mở hơn trong EVFTA và mở nhất trong TPP. Tuy nhiên, trong từng phân ngành cụ thể thì bức tranh có thể có khác biệt (đặc biệt là mức mở cửa giữa TPP và EVFTA).

Trong tương quan giữa các ngành dịch vụ đã mở cửa, có thể chia thành các nhóm sau đây:

Nhóm dịch vụ mà Việt Nam đã mở cửa hoàn toàn

Nhóm này bao gồm các phân ngành dịch vụ mà Việt Nam cam kết không áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài bất kỳ biện pháp hạn chế nào trong số 06 nhóm biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia trong WTO và EVFTA², đối với TPP thì còn là các biện pháp liên quan tới cư trú, kinh nghiệm và quốc tịch của nhân sự.

Như vậy, ngay cả đối với các lĩnh vực được coi là “đã mở cửa hoàn toàn”, Việt Nam vẫn có quyền áp dụng các biện pháp hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài miễn là các biện pháp đó không nằm trong nhóm các biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia như đề cập ở trên.

² 06 nhóm biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường bao gồm:

- Hạn chế số lượng nhà cung cấp dịch vụ dù dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, độc quyền, toàn quyền cung cấp dịch vụ hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- Hạn chế tổng trị giá các giao dịch về dịch vụ hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, hoặc yêu cầu phải đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- Hạn chế tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng dịch vụ đầu ra tính theo số lượng đơn vị dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế;
- Hạn chế về tổng số thể nhân có thể được tuyển dụng trong một lĩnh vực dịch vụ cụ thể hoặc một nhà cung cấp dịch vụ được phép tuyển dụng cần thiết hoặc trực tiếp liên quan tới việc cung cấp một dịch vụ cụ thể dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế;
- Các biện pháp hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức pháp nhân cụ thể hoặc liên doanh thông qua đó người cung cấp dịch vụ có thể cung cấp dịch vụ;
- Hạn chế về tỷ lệ vốn góp của bên nước ngoài bằng việc quy định tỷ lệ phần trăm tối đa cổ phần của bên nước ngoài hoặc tổng trị giá đầu tư nước ngoài tính đơn hoặc tính gộp.

Và tất cả các biện pháp có tác động tới việc cung cấp dịch vụ vi phạm nguyên tắc đối xử quốc gia



Danh mục các lĩnh vực Việt Nam đã cam kết mở cửa hoàn toàn

Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành đã cam kết mở hoàn toàn	WTO	EVFTA	TPP
Các ngành dịch vụ kinh doanh	• Dịch vụ pháp lý	x	x	x
	• Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ			
	• Dịch vụ kiến trúc			
	• Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị			
	• Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan			
	• Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên			
	• Dịch vụ cho thuê máy bay			
	• Dịch vụ nghiên cứu thị trường (trừ thăm dò ý kiến công chúng)			
	• Dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý			
	• Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (ngoại trừ đăng kiểm phương tiện vận tải)			
	• Dịch vụ tư vấn kỹ thuật			x
	• Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ			
	• Dịch vụ nghiên cứu và phát triển về khoa học xã hội và nhân văn			
	• Dịch vụ cho thuê tàu			
	• Dịch vụ quảng cáo			
	• Dịch vụ liên quan tới sản xuất			
	• Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị			
	• Các dịch vụ hội chợ, triển lãm			
	• Dịch vụ do bà đỡ, y tá, bác sỹ trị liệu và nhân viên y tế không chuyên (CPC 93191)		x	x
	• Dịch vụ lau dọn các tòa nhà			



Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành đã cam kết mở hoàn toàn	WTO	EVFTA	TPP
2. Dịch vụ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Các dịch vụ bưu chính Các dịch vụ chuyển phát 		X	X
3. Dịch vụ xây dựng và kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Thi công xây dựng 	X	X	X
4. Phân phối	<ul style="list-style-type: none"> Nhượng quyền thương mại Đại lý hoa hồng Bán buôn, bán lẻ 	X	X	X
5. Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> Giáo dục bậc cao, giáo dục cho người lớn, giáo dục khác 	X	X	X
6. Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ xử lý nước thải, rác thải Dịch vụ đánh giá tác động môi trường Dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự Dịch vụ làm sạch khí thải, xử lý tiếng ồn Dịch vụ bảo vệ thiên nhiên và phong cảnh 	X	X	X
8. Y tế	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ bệnh viện Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh 	X	X	X
9. Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> Khách sạn và nhà hàng Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch 	X	X	X
11. Vận tải	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ thông quan Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính Dịch vụ kho bãi Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa 	X	X	X



Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành đã cam kết mở hoàn toàn	WTO	EVFTA	TPP
	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu thủy nội địa, máy bay Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ hàng hải Dịch vụ nạo vét 			x
	Các dịch vụ khác (kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Các dịch vụ này được thực hiện thay mặt cho chủ hàng)		x	x

Có thể thấy nhóm các dịch vụ Việt Nam đã cam kết mở cửa hoàn toàn tập trung vào các lĩnh vực (i) dịch vụ kinh doanh, đòi hỏi kỹ năng chuyên môn tương đối sâu mà hoặc là Việt Nam rất cần từ bên ngoài, hoặc là các tổ chức cá nhân Việt Nam đã có năng lực cạnh tranh tương đối; (ii) các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam có nhu cầu kêu gọi đầu tư, xã hội hóa cao (môi trường, giáo dục...); (iii) các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam đã có sức cạnh tranh tương đối (xây dựng, một số phân ngành dịch vụ vận tải).

Nhóm các dịch vụ mà Việt Nam cam kết mở cửa hạn chế

Trong các ngành, phân ngành dịch vụ mà Việt Nam có cam kết mở cửa, cho đến nay, số cam kết mở hạn chế (thậm chí rất hạn chế) chiếm phần lớn, với các mức độ hạn chế khác nhau (từ rất ít hạn chế tới rất nhiều hạn chế).

Rà soát cho thấy các hạn chế hiện đang được nêu trong các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài tập trung ở các dạng thức chủ yếu sau:

- Hạn chế về hình thức đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (chỉ cho phép nhà đầu tư nước ngoài hoạt động dưới một/một số các hình thức nhất định trong số các hình thức văn phòng đại diện, hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh, 100% vốn nước ngoài, chi nhánh của thương nhân nước ngoài, cá nhân hành nghề);
- Hạn chế về tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh;



- Hạn chế về đối tác Việt Nam, đối tác nước ngoài trong liên doanh/hợp đồng hợp tác kinh doanh (phải là tổ chức được cấp phép hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan, phải là pháp nhân nước ngoài, phải là pháp nhân nước ngoài đăng ký hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ liên quan...);
- Hạn chế về phạm vi hoạt động (chỉ được thực hiện một/một số hoạt động kinh doanh nhất định trong lĩnh vực liên quan; chỉ được thực hiện hoạt động với các điều kiện nhất định...);
- Hạn chế về nhân sự (yêu cầu về cư trú, kinh nghiệm, bằng cấp... đối với nhân sự cao cấp trong tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài).

Tùy vào số lượng các hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài mà mức độ cam kết mở cửa của Việt Nam trong các lĩnh vực dịch vụ cụ thể là rộng hay hẹp. Có thể phân thành 02 nhóm nhỏ hơn, bao gồm: Nhóm có mức độ mở cửa rất hạn chế, và Nhóm có mức độ mở cửa rất rộng.

- Về nhóm có mức độ mở cửa rất hẹp (nhiều hạn chế), rà soát cho thấy phần lớn là các lĩnh vực được cho là nhạy cảm (thông tin, văn hóa, giáo dục phổ thông) hoặc Việt Nam có năng lực cạnh tranh yếu (vận tải).

Danh mục các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam cam kết mở cửa rất hạn chế trong WTO, TPP và EVFTA

Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành cam kết mở cửa rất hạn chế	WTO	EVFTA	TPP	
1. Các ngành dịch vụ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ thú y • Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp • Dịch vụ liên quan tới khai thác mỏ 	x	x	x	
	<ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt 		x	x	
2. Dịch vụ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> • Các dịch vụ viễn thông cơ bản • Các dịch vụ giá trị gia tăng • Dịch vụ nghe nhìn 	x	x	x	
	5. Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> • Giáo dục phổ thông cơ sở 			x
	8. Y tế	<ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ xã hội và dịch vụ liên quan tới sức khỏe 		x	
10. Dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao	<ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống, xiếc) • Kinh doanh trò chơi điện tử 	x	x	x	



Ngành dịch vụ có cam kết	Phân ngành cam kết mở cửa rất hạn chế	WTO	EVFTA	TPP
	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ liên quan đến việc tổ chức sự kiện thể thao (bao gồm việc xúc tiến, tổ chức và quản lý trang thiết bị) 			x
11. Vận tải	<ul style="list-style-type: none"> Vận tải biển (hành khách, hàng hóa) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ Vận tải đường thủy nội địa (hàng hóa, hành khách) Vận tải hàng hóa bằng đường sắt (CPC 7112) Vận tải đường bộ (hàng hóa, hành khách CPC 7121, 7122, 7123) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411) 	x	x	x
	<ul style="list-style-type: none"> Điều hành mặt đất 		x	
	<ul style="list-style-type: none"> Vận tải hàng không 			x

- Về nhóm đã cam kết mở cửa rộng (với rất ít điều kiện hạn chế đối với đầu tư nước ngoài), rà soát cho thấy hiện có 04 ngành dịch vụ lớn mà Việt Nam đã cam kết mức mở cửa rất rộng (cho tất cả các phân ngành) và một số phân ngành dịch vụ trong ngành dịch vụ kinh doanh, bao gồm:

- Xây dựng và dịch vụ kỹ thuật liên quan
- Phân phối
- Du lịch
- Dịch vụ môi trường
- Một số phân ngành trong ngành dịch vụ kinh doanh (sửa chữa máy móc thiết bị, tư vấn kỹ thuật/thiết bị đồng bộ)

Có thể thấy các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam cam kết mở cửa rất rộng chủ yếu bao gồm các ngành/phân ngành dịch vụ ít nhạy cảm, doanh nghiệp Việt Nam đã có năng lực cạnh tranh tốt, hoặc là ngành cần thu hút đầu tư nước ngoài.



Nhóm dịch vụ mà Việt Nam có cam kết mở cửa rộng hơn trong TPP và EVFTA so với WTO

Với tính chất là các Hiệp định thương mại tự do, về nguyên tắc, cam kết mở cửa trong TPP, EVFTA phải bằng hoặc cao hơn mức mở cửa trong WTO. Do đó, suy đoán là trong tổng thể, mức độ cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong TPP và EVFTA, cho các đối tác TPP và EU, sẽ cao hơn trong WTO (tất cả các đối tác WTO, trừ trường hợp đã có FTA với Việt Nam).

Trên thực tế, không phải trong lĩnh vực nào Việt Nam cũng cam kết mở cửa thị trường dịch vụ trong TPP, EVFTA cao hơn WTO. Không ít lĩnh vực mức cam kết của Việt Nam trong TPP, EVFTA vẫn giữ nguyên mức mở cửa đã thực hiện trong WTO, và nhiều lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam vẫn chưa cam kết mở dù là trong WTO hay TPP, EVFTA.

Theo kết quả rà soát, trong tổng thể Việt Nam có cam kết mở cửa các lĩnh vực dịch vụ cao nhất trong TPP, sau đó là EVFTA và mặt bằng chung thấp nhất là WTO. Tuy nhiên, vẫn có những lĩnh vực dịch vụ đơn lẻ mà mức cam kết mở cửa trong EVFTA cao hơn mức cam kết trong TPP (ví dụ dịch vụ xã hội và dịch vụ liên quan tới sức khỏe; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị khác; vận tải biển; điều hành mặt đất, phục vụ bữa ăn trên máy bay).

Bảng Danh mục các lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam có cam kết mở cửa trong TPP và EVFTA cao hơn mức cam kết trong WTO

Ngành dịch vụ	Phân ngành dịch vụ cam kết TPP, EVFTA cao hơn cam kết WTO
Dịch vụ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">Dịch vụ y tế do bà đỡ, y tá, bác sỹ trị liệu và nhân viên y tế không chuyên;Dịch vụ lau dọn các tòa nhà;Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt;Dịch vụ cho thuê tàu không kèm người lái;Dịch vụ hội chợ, triển lãm
Dịch vụ thông tin	<ul style="list-style-type: none">Dịch vụ bưu chínhDịch vụ chuyển phát
Dịch vụ phân phối	<ul style="list-style-type: none">Đại lýBán buônBán lẻ
Dịch vụ môi trường	<ul style="list-style-type: none">Dịch vụ vệ sinh và dịch vụ tương tự;Dịch vụ làm sạch khí;Dịch vụ xử lý tiếng ồn;Dịch vụ bảo vệ thiên nhiên phong cảnh



Ngành dịch vụ	Phân ngành dịch vụ cam kết TPP, EVFTA cao hơn cam kết WTO
Dịch vụ vận tải	<ul style="list-style-type: none">• Dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải khác (kiểm tra vận đơn, môi giới vận tải, giám định hàng hóa, chuẩn bị chứng từ vận tải...);• Dịch vụ bảo hành và sửa chữa tàu biển, tàu thủy nội địa, máy bay;• Dịch vụ xếp dỡ container hàng hải;• Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa

Hiện trạng mở cửa các thị trường dịch vụ theo pháp luật Việt Nam

Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ là các cam kết về mức mở cửa tối thiểu mà Việt Nam phải dành cho các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các đối tác có cam kết. Nói cách khác, trong khi Việt Nam có nghĩa vụ bảo đảm mức mở cửa không thấp hơn cam kết, Việt Nam hoàn toàn có quyền mở cửa rộng hơn, cao hơn mức tối thiểu đã cam kết này. Do đó, mức độ mở cửa các thị trường dịch vụ trong pháp luật Việt Nam về mở cửa thị trường không nhất thiết bằng với mức mà Việt Nam cam kết, kể cả các trường hợp Việt Nam đã có cam kết và trường hợp Việt Nam chưa có cam kết mở cửa.

Hệ thống pháp luật Việt Nam về mở cửa các thị trường dịch vụ

Việt Nam không có một hệ thống pháp luật thống nhất về mở cửa các thị trường dịch vụ mà bao gồm các hệ thống pháp luật về từng lĩnh vực dịch vụ riêng rẽ. Đây cũng là hiện trạng phổ biến ở nhiều nước bởi việc kiểm soát các lĩnh vực dịch vụ thường do các cơ quan chuyên ngành thực hiện, không tập trung như kiểm soát về thuế quan đối với mở cửa thị trường hàng hóa được.

Rà soát cho thấy các quy định pháp luật về mở cửa thị trường dịch vụ (quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ) ở Việt Nam là rất đa dạng về cách thức quy định về mở cửa thị trường dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, bên cạnh các quy định pháp luật của từng ngành còn có nguyên tắc bao trùm về việc áp dụng cam kết quốc tế (trong mối quan hệ với quy định pháp luật nội địa về cùng một vấn đề). Mặc dù vậy, về mặt pháp lý, các cam kết quốc tế không có hiệu lực áp dụng trực tiếp ở Việt Nam, vì vậy mức độ mở cửa thực tế của Việt Nam trong các ngành dịch vụ ở đây được xem xét hoàn toàn dựa vào pháp luật nội địa hiện hành.



Danh mục các lĩnh vực, phân ngành dịch vụ mà pháp luật Việt Nam đã mở hoàn toàn cho nhà đầu tư nước ngoài

Lĩnh vực	Phân ngành dịch vụ chưa cam kết mở hoàn toàn trong WTO, TPP hoặc EVFTA nhưng thực tế Việt Nam đã mở hoàn toàn	Do PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài	Do PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh nói chung
Dịch vụ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, tư vấn kỹ thuật đồng bộ Dịch vụ do bà đỡ, y tá, bác sỹ trị liệu và nhân viên y tế không chuyên Dịch vụ thú y Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885) 	x	x
	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104), tàu thuyền (CPC 83103), máy móc thiết bị (CPC 83109) Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp (CPC 881) Dịch vụ lau dọn các tòa nhà (CPC 874) Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt (CPC 87504) Dịch vụ đóng gói hàng hóa (CPC 876) Dịch vụ hội chợ triển lãm (PLVN chỉ có quy định về hoạt động) 		
Dịch vụ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ bưu chính (CPC 7511**) Dịch vụ chuyển phát (CPC 7512**) Dịch vụ phân phối băng đĩa hình (PLVN chỉ có quy định về hoạt động) 	x	
Phân phối	<ul style="list-style-type: none"> Chợ truyền thống 		x
	<ul style="list-style-type: none"> Sàn giao dịch hàng hóa 	x	
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự (CPC 9403) Dịch vụ bảo vệ thiên nhiên và phong cảnh (CPC 94060) 		x



Lĩnh vực	Phân ngành dịch vụ chưa cam kết mở hoàn toàn trong WTO, TPP hoặc EVFTA nhưng thực tế Việt Nam đã mở hoàn toàn	Do PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài	Do PLVN không có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh nói chung
Y tế	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ hạ tầng y tế cho dân cư không phải là dịch vụ bệnh viện Dịch vụ xã hội và dịch vụ liên quan tới sức khỏe (CPC 933) 	x	
Giải trí, văn hóa, thể thao	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống, và xiếc) (CPC 9619) Kinh doanh trò chơi điện tử Câu lạc bộ võ thuật khí công và thể thao mạo hiểm Dịch vụ liên quan đến việc tổ chức sự kiện thể thao 	x	
	<ul style="list-style-type: none"> Mỹ thuật và nghệ thuật biểu diễn và các hoạt động văn hóa khác (PLVN chỉ có quy định về hoạt động) Bảo vệ, duy trì và tu bổ di sản vật thể (trừ bảo tàng) 		x
Vận tải	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu thủy nội địa (CPC 8868*) 		x
	<ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC 8868**) Dịch vụ phục vụ bữa ăn trên máy bay Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sắt (CPC 7111, 7112) Dịch vụ vởi hành khách bằng đường bộ Dịch vụ nạo vét 	x	



Về mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với các cam kết WTO, TPP và EVFTA về mở cửa thị trường dịch vụ

Như đã thấy ở phần trên, pháp luật Việt Nam hiện đang mở hoàn toàn cho rất nhiều phân ngành dịch vụ, do đó đã mở rộng hơn đáng kể so với cam kết WTO, thậm chí cả so với các cam kết chưa có hiệu lực với Việt Nam như TPP và EVFTA. Do đó, có thể dễ dàng suy đoán được pháp luật Việt Nam cơ bản đã tương thích với các cam kết về mở cửa thị trường trong cả WTO, TPP và EVFTA.

Tuy nhiên, kết quả rà soát cũng đưa đến những phát hiện bất ngờ: Mặc dù Việt Nam đã thực thi WTO được gần 10 năm, vẫn có một số các lĩnh vực dịch vụ mà quy định về mở cửa thị trường của Việt Nam thấp hơn so với mức cam kết trong WTO và vì vậy chưa tương thích với WTO.

Đối với TPP và EVFTA, do đây là các cam kết chưa có hiệu lực ở Việt Nam, việc tồn tại các quy định về mở cửa thị trường trong pháp luật Việt Nam chưa tương thích với mức cam kết trong TPP và EVFTA cũng là điều dễ hiểu.

Bảng Các lĩnh vực dịch vụ Pháp luật Việt Nam chưa tương thích với cam kết về mức độ mở cửa

Lĩnh vực dịch vụ mà PLVN về mở cửa chưa tương thích với cam kết	WTO	TPP	EVFTA
• Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)	x	x	x
• Dịch vụ kiến trúc			
• Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân			
• Giáo dục bậc cao, giáo dục cho người lớn, giáo dục khác			
• Dịch vụ thông quan			
• Dịch vụ hỗ trợ vận tải khác			
• Các dịch vụ viễn thông cơ bản	x		x
• Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ (CPC 7411)			
• Dịch vụ nghiên cứu và phát triển về khoa học xã hội và nhân văn (CPC 852)		x	
• Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá)			
• Dịch vụ vận tải biển (trừ vận tải biển nội địa)			
• Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748*)			
• Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ hàng hải (CPC 741)			
• Dịch vụ điều hành mặt đất			x



Các vấn đề tồn tại được nhận diện trong việc mở cửa thị trường dịch vụ cho đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ các thực tế nói trên, có thể nhận thấy hệ thống pháp luật Việt Nam về mở cửa thị trường dịch vụ cho đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện đang tồn tại khá nhiều bất cập cả từ góc độ nghĩa vụ thực thi cam kết và hiệu quả mở cửa thực tế.

Thứ nhất là sự nhầm lẫn về hiệu lực áp dụng trực tiếp của các cam kết quốc tế và hiện tượng “vô ý” mở cửa hoàn toàn đối với phần lớn các thị trường dịch vụ

Rất nhiều các văn bản pháp luật Việt Nam về mở cửa thị trường dịch vụ đã dựa trên suy đoán rằng đối với trường hợp có cam kết quốc tế về mở cửa thị trường thì áp dụng trực tiếp cam kết quốc tế, do đó không có bất kỳ một quy định cụ thể nào về điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Trong khi đó, về mặt nguyên tắc, các cam kết quốc tế nói chung và cam kết về mở cửa thị trường nói riêng, không có giá trị áp dụng trực tiếp.

Điều này dẫn tới một thực tế là trong khi các cơ quan ban hành văn bản pháp luật nội địa “đình ninh” có thể áp dụng trực tiếp cam kết quốc tế và vì vậy không cần quy định trong pháp luật nội địa (nội luật hóa), thì cam kết quốc tế về nguyên tắc không có giá trị áp dụng trực tiếp. Do đó, việc pháp luật không quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài đã “vô ý” dẫn tới việc mở cửa thị trường hoàn toàn cho đầu tư nước ngoài.

Sự hiểu nhầm này của các cơ quan soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật liên quan trên thực tế là khá phổ biến, và là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới hệ quả là theo các quy định của pháp luật nội địa thì khoảng 80-90% các lĩnh vực dịch vụ của Việt Nam hiện đang được “vô ý” mở hoàn toàn cho nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả những lĩnh vực Việt Nam có cam kết mở cửa hạn chế hoặc không/chưa cam kết mở cửa).

Những trường hợp mở cửa “vô ý” này có thể làm vô hiệu hóa các nỗ lực giữ thị trường khi đàm phán cam kết, đồng thời làm phá sản các mục tiêu chính sách của Nhà nước liên quan tới các ngành, lĩnh vực dịch vụ nhạy cảm hoặc cần thiết phải bảo hộ một thời gian nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nhà cung cấp dịch vụ nội địa.

Thứ hai, là tình trạng thiếu minh bạch nghiêm trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam về mở cửa thị trường dịch vụ

Kém minh bạch là vấn đề nổi cộm về mặt thể chế của Việt Nam nói chung, trong lĩnh vực mở cửa các thị trường dịch vụ, vấn đề này còn nghiêm trọng hơn nhiều. Thiếu minh bạch trong mở cửa các thị trường dịch vụ của Việt Nam được thể hiện trong ít nhất 02 khía cạnh sau: (i) không có một đầu mối tập hợp thống nhất nào về các quy định pháp luật của Việt Nam về việc mở cửa thị trường dịch vụ, (ii) tồn tại sự tùy nghi và thiếu thống nhất trong thực thi mở cửa thị trường cho nhà đầu tư nước ngoài



Sự thiếu minh bạch trong các hệ thống pháp luật về mở cửa các thị trường dịch vụ có nguy cơ dẫn tới vi phạm nghĩa vụ về minh bạch của Việt Nam trong WTO và các cam kết, làm giảm hiệu lực pháp lý của pháp luật Việt Nam, gây cản trở một cách bất hợp lý đối với nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cho những nhiễu/tham nhũng của các cơ quan có quyền quyết định trực tiếp, làm giảm hiệu quả cạnh tranh trên thị trường dịch vụ ở Việt Nam đồng thời cản trở quá trình tự do hóa thương mại dịch vụ ở Việt Nam.

Thứ ba, vẫn tồn tại một số lĩnh vực dịch vụ của Việt Nam chưa mở cửa theo cam kết WTO

Tính từ thời điểm gia nhập WTO ngày 11/1/2007, Việt Nam đã chính thức thực thi các cam kết WTO được 10 năm. WTO và nhiều đối tác thương mại trong WTO cũng đánh giá Việt Nam là một điển hình trong thực thi nghiêm túc các cam kết WTO nói chung. Mặc dù vậy, như kết quả rà soát đã chỉ ra, cho đến nay vẫn còn những lĩnh vực dịch vụ mà điều kiện đầu tư quy định trong pháp luật Việt Nam không phù hợp (vi phạm) các cam kết mở cửa tương ứng của WTO. Số lượng các lĩnh vực dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện mở cửa thị trường như cam kết WTO là không nhiều, mặc dù vậy sự tồn tại các trường hợp không tương thích này là rất khó chấp nhận trong bối cảnh Việt Nam đã thực thi WTO từ rất lâu và đang tiếp tục cam kết mở cửa thị trường rộng hơn WTO trong các Hiệp định thương mại song phương và khu vực.

Tóm lại

Việt Nam đã có cam kết mở cửa trong phần lớn các lĩnh vực dịch vụ, với các mức độ khác nhau trong WTO, TPP và EVFTA. Rà soát pháp luật Việt Nam về vấn đề này cho thấy các quy định của Việt Nam rất phức tạp, thiếu minh bạch, đan xen nhiều hệ thống pháp luật chuyên ngành. Điểm chung là rất nhiều các lĩnh vực dịch vụ pháp luật Việt Nam mở cửa rất rộng cho nhà đầu tư nước ngoài, thậm chí là mở hoàn toàn trong phần lớn các lĩnh vực dịch vụ. Mặc dù vậy, trong đa số các trường hợp mở cửa hoàn toàn mà Việt Nam đang áp dụng là “mở cửa vô ý” (dẫn chiếu tới cam kết quốc tế trong khi cam kết quốc tế không có giá trị áp dụng trực tiếp). Điều này dẫn tới tình trạng pháp luật thì mở cửa rất rộng nhưng thực tiễn có thể lại rất hẹp, tùy theo cách hiểu của các cơ quan thực thi về việc áp dụng cam kết quốc tế.

Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tiếp tục thực hiện các cam kết mở cửa trong khuôn khổ WTO và chuẩn bị cho việc thực thi TPP và EVFTA, hai hiệp định thương mại có chứa các cam kết rất mạnh về mở cửa thị trường, cần thiết phải có các biện pháp tập trung và đồng bộ để xử lý các bất cập trong các quy định về mở cửa thị trường theo 03 nhóm: bảo đảm cách hiểu chuẩn xác về việc áp dụng pháp luật nội địa và cam kết quốc tế; giải pháp kỹ thuật để mở cửa thị trường theo các cam kết quốc tế; minh bạch hóa các điều kiện đầu tư trong các lĩnh vực dịch vụ.

Việc thực hiện các biện pháp này là cơ sở quan trọng để Việt Nam thực thi đầy đủ và có trách nhiệm các cam kết quốc tế, đồng thời tận dụng cơ hội từ mở cửa thị trường dịch vụ để thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường cạnh tranh, từ đó nâng cao hiệu quả và đóng góp của lĩnh vực dịch vụ vào nền kinh tế, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng và làm nền tảng phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành sản xuất.



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.35771458
Fax: 04.35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.wtocenter.vn